

# Tự điều chỉnh động lực trong học tập của sinh viên

Nguyễn Đức Ca<sup>1</sup>, Nguyễn Khang<sup>2</sup>, Hoàng Thị Minh Anh<sup>3</sup>,  
Phạm Ngọc Dương<sup>4</sup>, Nguyễn Hoàng Giang<sup>5</sup>

<sup>1</sup> Email: cand@vnies.edu.vn

<sup>2</sup> Email: khangn@vnies.edu.vn

<sup>3</sup> Email: anhhtm@vnies.edu.vn

<sup>4</sup> Email: duongpn@vnies.edu.vn

<sup>5</sup> Email: giangnh@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

**TÓM TẮT:** Động lực học tập có ảnh hưởng tích cực đến sự tham gia vào không gian học tập của sinh viên và các nhà giáo dục làm thế nào đó để có thể áp dụng được vấn đề này vào việc thiết kế chương trình nhằm cải thiện chất lượng và phân phối hợp lý các khóa học. Động lực bên trong, bên ngoài và các giá trị có liên quan sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu mà sinh viên mong muốn đạt được sau khóa học. Bài viết đề cập đến tính tự điều chỉnh động lực trong học tập của sinh viên. Sinh viên có thể tích cực tìm kiếm nguồn tài liệu tham khảo theo chương trình khóa học nhằm cải thiện kết quả học tập. Sẽ là hợp lý khi sinh viên được tạo điều kiện sử dụng thiết bị công nghệ, hoặc sinh viên được khuyến khích sử dụng sáng kiến của riêng họ để tự điều chỉnh động lực trong học tập và tìm kiếm thông tin hỗ trợ quá trình học tập của họ.

**TỪ KHÓA:** Giáo dục, động lực, học tập, người học, tự điều chỉnh.

→ Nhận bài 10/3/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 18/5/2021 → Duyệt đăng 25/10/2021.

## 1. Đặt vấn đề

Động lực quan trọng nhất của sinh viên (SV) là mong muốn được tiếp tục học tập (John Dewey, 1963). Kết quả học tập và tiêu chuẩn đánh giá là những vấn đề quan trọng đối với người học và bên sử dụng lao động mà các cơ sở giáo dục (GD) - đào tạo phải đặc biệt chú ý. Những gì thực sự xảy ra trong không gian học tập của SV có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập của họ, ảnh hưởng đến những ngành sản xuất, các dịch vụ kinh doanh thông qua việc sử dụng nguồn nhân lực qua đào tạo. Động lực có ảnh hưởng tích cực đến sự tham gia vào không gian học tập của SV và các nhà GD làm thế nào đó để có thể áp dụng được vấn đề này vào việc thiết kế chương trình GD nhằm cải thiện chất lượng và phân phối hợp lý các khóa học. Cụ thể, các yếu tố động lực bên trong, bên ngoài và các giá trị liên quan sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu mà SV mong muốn đạt được sau khóa học. Tự điều chỉnh động lực học tập sẽ làm cho SV tích cực hơn tham gia vào quá trình học tập. SV có thể tự mình tìm kiếm nguồn tài liệu tham khảo theo chương trình khóa học nhằm cải thiện kết quả học tập và ảnh hưởng như thế nào của học tập tích cực so với cách thức học tập hiện có. Sẽ là hợp lý khi SV được tạo điều kiện sử dụng thiết bị công nghệ hoặc được khuyến khích sử dụng sáng kiến của riêng họ để tự điều chỉnh động lực trong học tập và tìm kiếm thông tin hỗ trợ quá trình học tập của họ. Trong bài viết này, chúng tôi nghiên cứu, xem xét về các nội dung: Tính tự học và học tập tích cực của SV; Tự điều chỉnh trong học tập của SV; Phương pháp tiếp cận trong học tập của SV; Phương pháp tự điều chỉnh động lực học tập của SV; Cấu trúc quá trình học tập của SV; Ảnh hưởng của môi

trường đến động lực học tập của SV. Từ đó, rút ra một số kết luận về “Tự điều chỉnh động lực trong học tập của SV”.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tính tự học và học tập tích cực của sinh viên

Schunk và Zimmerman (2008) đã định nghĩa “tự học, là một quá trình mà người học tự kích hoạt và duy trì nhận thức, sự ảnh hưởng và hành vi được định hướng một cách có hệ thống đối với việc đạt được mục tiêu học tập”. “Hoạt động học tập tích cực là một thuật ngữ rộng để mô tả về việc các SV tham gia vào các hoạt động học tập trong không gian học tập của họ” (Koch và các cộng sự, 2014). Vấn đề trong học tập dựa trên dự án là các hình thức học tập tích cực, cụ thể trong đó một vấn đề là điểm khởi đầu của việc học tập “liên ngành”, học tập theo nhóm lấy SV làm trung tâm (De Graff, và Kolmos, 2003). Lợi ích của học tập tích cực cho phép SV phát triển các kỹ năng, bao gồm kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng hợp tác và quản lý xung đột, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tự điều chỉnh và kỹ năng chuyên nghiệp khác (Palmer and Hall, 2011). Để đạt được đến “trạng thái học tập tích cực” một cách thường xuyên, SV cần được hỗ trợ từ các nhà thiết kế chương trình GD và các thiết bị công nghệ nhằm thúc đẩy sự tự tin để phát triển các kỹ năng trong tư duy bậc cao của họ. Tính kỉ luật trong học tập của SV “tự học” xuất phát từ các nghiên cứu của các học giả đi trước cho thấy các kỹ năng và khả năng tự học của SV không giải thích được một cách đầy đủ về thành tích học tập của mình, nhưng có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố “tự điều chỉnh về động lực trong học tập” của họ (Schunk

và Zimmerman, 2008).

Một số nghiên cứu tự điều chỉnh động lực trong học tập tập trung vào các cách thức và hành vi nhận thức, chẳng hạn như giám sát, tổ chức, diễn tập, quản lý thời gian và thiết lập môi trường làm việc hiệu quả. Tuy nhiên, ý nghĩa và vai trò của các mục tiêu học tập có liên quan đến tương lai của SV (phản hồi kết quả học tập; các biện pháp chủ động, chẳng hạn như thiết lập mục tiêu học tập và lựa chọn phương thức học tập; sự phân bổ mục tiêu; kết quả đạt được so với mục tiêu đề ra; thường xuyên tự đánh giá; kiến thức, kỹ năng, thái độ đạt được, Schunk và Zimmerman, 2008).

*“Tự điều chỉnh trong học tập là đề cập đến một quy trình trong nội bộ bản thân hoặc giao tiếp, ở đó cho phép một cá nhân định hướng các hoạt động hướng đến mục tiêu phù hợp theo thời gian và phù hợp với các bối cảnh thay đổi. Kiểm chế ảnh hưởng, điều tiết suy nghĩ, hành vi hoặc chú ý đến việc sử dụng có chủ ý các cơ chế cụ thể và sử dụng sự hỗ trợ của các kỹ năng tiềm ẩn. Các quy trình tự điều chỉnh trong học tập được bắt đầu khi hoạt động học tập bị cản trở thường xuyên hoặc khi hướng đến mục tiêu được ưu tiên hàng đầu (Ví dụ: sự xuất hiện của một thách thức, sự thất bại của các kiểu hành động theo thói quen - Karoly, 1993)”*

Zimmerman (2001) nêu các nội dung của học tập tự điều chỉnh mà SV có thể áp dụng gồm: 1/ Cá nhân tự cải thiện khả năng học hỏi thông qua việc sử dụng có chọn lọc các phương thức và động lực học tập; 2/ Chủ động lựa chọn, cấu trúc lại và tạo môi trường học tập thuận lợi; 3/ Việc lựa chọn các hình thức và số lượng tài liệu hướng dẫn học tập mà trong đó họ đóng một vai trò quan trọng. Đối với các nhà thiết kế chương trình GD, điều này cho thấy tầm quan trọng của việc ưu tiên việc đề cập đến các động lực học tập của SV trong chương trình, các yếu tố động lực này như một ma trận cần được cân nhắc khi thiết kế cho một chương trình GD. Ngoài ra, nên ưu tiên cho phép SV lựa chọn thiết bị công nghệ riêng của họ nhằm hỗ trợ họ trong không gian học tập.

### **2.2. Tự điều chỉnh trong học tập của sinh viên**

Về tư duy học thuật xung quanh những gì thuộc về những “SV tự điều chỉnh trong học tập” là rất phong phú và đa dạng mà người học có thể được tác động đến một cách tích cực nhằm cải thiện kết quả học tập. Các nguyên tắc học tập tự điều chỉnh có liên quan đến việc sử dụng các thiết bị công nghệ trong không gian học tập của SV.

- *GD liên ngành có thể bao gồm các nội dung:* 1/ Tâm lý học nhận thức; 2/ Tâm lý học động lực học tập; 3/ Khoa học GD (Gijbels, và các cộng sự - 2014).

- *Các kết quả nghiên cứu truyền thống về tự điều chỉnh trong học tập của SV, gồm:* 1/ Kinh nghiệm cá

nhân. Ngược lại, việc học tập sơ lược xảy ra khi SV bắt đầu với ý định ghi nhớ các sự kiện (kiến thức, kỹ năng), tuy nhiên, họ không hiểu bối cảnh của nó; 2/ Quan niệm trong học tập hoặc niềm tin về học tập và giảng dạy (Saljo, 1979); 3/ Phong cách học tập (Kolb, 1984); 4/ Các tham số về cách nhận thức trong học tập (Flavell, 1987); 5/ Biggs (1987 và 2003) đã phân loại việc học là “sử dụng cách thức tiếp thu tri thức và đạt được các định hướng về mục tiêu”. Entwistle và McCune (2004), tập trung vào động lực của người học và chiến lược xử lý thông qua công cụ nghiên cứu “định hướng mục tiêu”, “phương pháp tiếp cận nghiên cứu sự tồn tại của sức ỳ”; phân loại các câu trả lời của SV như là “độ sâu, ngoại diên và cách thức trả lời” (Entwistle, N., 1988); 6/ Các yếu tố tác động đến động lực học tập (Entwistle, 1988), (Boekaerts, 2006); 7/ Các phương thức tiếp nhận tri thức của SV (Sadler-Smith, 1996), (Moskvina và Kozhevnikov, 2011); 8/ Các cách tự điều chỉnh đối với việc học tập (Boekaerts, 1997); 9/ Vermunt và Vermetten (2004) đã sử dụng thuật ngữ “mô hình học tập” để mô tả cách học của SV theo thói quen, cách họ xử lý thông tin và áp dụng các “phương pháp hiện đại”, động lực học tập và cảm tính của họ; 10/ Định hướng tự điều chỉnh động lực học tập (Nieminen và cộng sự, 2004); (Richardson (1997); 11/ Phương pháp trí tuệ trong tự điều chỉnh động lực học tập (Zhang và Sternberg, 2005); 12/ Mayer và các cộng sự (2010) cho rằng “tính chất lượng trong nhận thức của những SV” có thể được xác định bằng khả năng sử dụng thông qua các hoạt động nhận thức của họ để tiến hành và xem xét việc học có ý nghĩa hay không và để phát triển thành các “nội dung cao hơn về tri thức” trong học tập cho SV. Sự tiến bộ của khoa học công nghệ cùng với các nguồn tài liệu GD sẵn có trên mạng internet, đây là cơ hội để ngành GD xem xét, thảo luận về tính hợp lý trong thiết kế chương trình GD, nhằm hỗ trợ SV sử dụng các thiết bị công nghệ để tự điều chỉnh trong không gian học tập của họ.

### **2.3. Phương pháp tiếp cận trong học tập của sinh viên**

Theo truyền thống, kết quả học tập của SV bị ảnh hưởng bởi các yếu tố: Môi trường học tập (yếu tố bên trong: Đội ngũ giảng dạy; cơ sở vật chất... và yếu tố bên ngoài); nhận thức về nhiệm vụ học tập của SV và phương pháp học tập của SV (xem Hình 1).

Tuy nhiên, một quan điểm khác cho rằng, những gì đang xảy ra trong tư duy của SV khi tiếp thu tri thức là những yếu tố có tính chất quyết định. Schunk (1986) cho rằng, SV sẽ tích cực hơn trong tư duy khi tiếp nhận tri thức theo phương pháp trực tuyến và do đó các nhà thiết kế chương trình GD cần đảm bảo giải quyết được vấn đề này trên cơ sở phương pháp GD trực tuyến thay vì dựa vào các phương pháp GD trực tiếp truyền thống.

Chương trình GD được phân phối hợp lí về trình tự học tập của SV trong suốt khóa học sẽ làm tăng thêm động lực học tập và phát triển tư duy bậc cao trong SV khi áp dụng phương thức học tập tích cực bằng việc sử dụng các thiết bị công nghệ.



(Nguồn: Gijbels, D., Donche, V., Richardson, T., and Vermunt, J., (2014))

Hình 1: Mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên [1]

#### 2.4. Phương pháp tự điều chỉnh động lực học tập của sinh viên

Phương pháp tự điều chỉnh động lực học tập của SV được hiểu là trong quá trình học tập mà một SV có thể sử dụng chúng để tiếp nhận tri thức một cách hiệu quả và tích cực nhất. Zimmerman và Risprice (1997) đã đề xuất mười bốn phương pháp tự điều chỉnh động lực học tập từ kết quả nghiên cứu của mình, nhằm “tăng động lực học tập cho SV”. Các phương pháp tự điều chỉnh động lực học tập bao gồm: 1/ Tự đánh giá; 2/ Tổ chức và chuyển đổi (sắp xếp lại và cấu trúc lại tài liệu học tập); 3/ Thiết lập mục tiêu và lập kế hoạch học tập; 4/ Tìm kiếm thông tin (từ các nguồn sách, báo...); 5/ Lưu giữ tài liệu và theo dõi kết quả học tập; 6/ Tái cấu trúc môi trường học tập (sắp xếp lại theo “nguyên tắc vật lí” để học tập dễ dàng hơn); 7/ Sắp xếp lại “những khen thưởng hoặc những hình phạt cho những thành công hay những thất bại” trong học tập; 8/ Thực hành và ghi nhớ những tri thức đã tiếp thu được; (9/11) Tìm kiếm sự trợ giúp từ các đồng môn, giảng viên và những chuyên gia; (12/10) Xem lại kết quả các bài thi kết thúc học phần, ghi chú và lưu trữ bằng văn bản.

Schunk và Zimmerman (2008) đã chỉ ra rằng, trong quá trình nhận thức, tình cảm, hành vi và thái độ có

ảnh hưởng đến người học. Cần phải kích thích và duy trì trạng thái tự điều chỉnh trong học tập tích cực cho SV (Boekaerts, Pintrich và Zeidner, 2000). Keppell và cộng sự, 2006 tranh luận về học tập nhóm, chia sẻ ý tưởng, tương tác qua lại lẫn nhau nhằm thúc đẩy các SV tương tác bên ngoài không gian học tập, điều này tạo cơ hội cho việc học tập sâu hơn và làm tăng đáng kể kết quả học tập. Học nhóm, cho phép sử dụng phương tiện công nghệ thông tin, nơi SV có thể tương tác nhau bằng “zalo nhắn tin” và tạo các “nhóm thảo luận” cùng với các chuyên gia để chia sẻ tài nguyên-thông tin, chia sẻ ý tưởng, khuyến khích “tư duy phản biện” và kĩ năng giải quyết vấn đề nhằm “nhận thức và tiếp thu được một cách nhanh nhất, logic và đầy đủ nhất có thể” (Ithoaele, M., Suhre, C., và Hofman, A., 2016). Không gian học tập của SV (môi trường học tập) sẽ trở thành “thực tế ảo” (mô phỏng), đây là nền tảng quan trọng trong việc tích hợp nhiều nội dung tri thức, để quá trình tiếp nhận tri thức của SV trong học tập với hiệu quả cao nhất. Như thế, thiết bị công nghệ có một vai trò rất quan trọng như là một không gian học tập và là công cụ nhằm tăng thêm động lực học tập cho SV và thiết bị công nghệ “cần được xem như là một thành phần thiết yếu trong việc thiết kế bất kì một chương trình GD nào”.

#### 2.5. Cấu trúc quá trình học tập của sinh viên

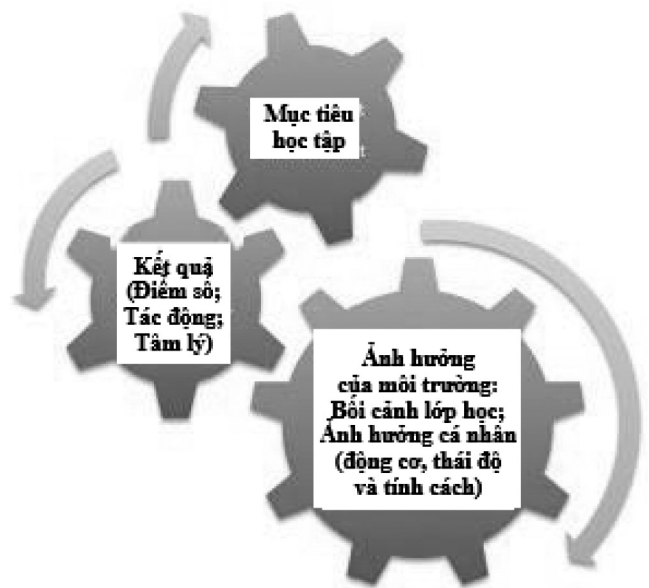
Cấu trúc một không gian học tập là rất quan trọng để thúc đẩy SV có tư tưởng đổi mới mạnh mẽ trong lĩnh vực tiếp nhận tri thức. Schunk và Zimmerman (2008) cho rằng, trong môi trường học tập (lớp học) có kiểm soát, SV có thể sẽ bị ảnh hưởng từ giảng viên nên họ khó có thể nhận ra sự tự điều chỉnh động lực học tập của mình; khắc phục nhược điểm này bằng việc đưa ra các mục tiêu phù hợp và phương pháp học tập hiệu quả hơn, và cũng nên khuyến khích việc tự giám sát và tự đánh giá về sự tiến bộ trong học tập của mỗi SV. Một môi trường học tập hiệu quả cần bao gồm: Có thể tìm kiếm được sự trợ giúp và khích lệ sự thể hiện một cách linh hoạt, bằng cách xác định lại các mục tiêu học tập hiện tại của họ, hoặc đặt ra các mục tiêu mới phù hợp hơn (Boekaert và Niemivirta, 2000). Schunk và Zimmerman (2008) cho rằng, nơi mà tồn tại một môi trường học tập có ít hoặc không có cấu trúc logic-hợp lí. Điều này sẽ ảnh hưởng đến quá trình nhận thức, về tâm lí và thái độ học tập của SV là gần như nhau nhưng động lực học tập của SV là khác nhau. Việc định hướng mục tiêu học tập, năng lực của mỗi SV có liên quan chặt chẽ đến kết quả học tập. Trong khi, tự giám sát là một quá trình nhận thức, trong đó SV vẫn không có động cơ để phản hồi, việc tự giám sát này khó có thể được duy trì thường xuyên và khó có thể nâng cao được kết quả học tập. Boekaerts và Niemivirt (2000) cho rằng, nên cho SV tiếp cận thiết bị công nghệ, yếu tố không

thể thiếu trong thiết kế chương trình GD, nhưng yêu cầu phải có sự giám sát việc sử dụng thiết bị của SV. Locke và Latham (2002) nhận thấy rằng, những SV có động lực học tập cao sẽ được trao cơ hội lựa chọn nội dung học tập cho riêng mình, phù hợp với mục tiêu học tập cao hơn, họ có nhiều khả năng để thể hiện sự kiên trì của mình nhằm hoàn thành mục tiêu học tập đã đề ra. Ví dụ, những SV có nhiều động lực học tập, họ có động cơ hướng tới việc tiếp thu những kỹ năng chuyên môn, họ sẽ thực hành trong thời gian rảnh rỗi để “thành thạo ngôn ngữ kỹ thuật” và thường xuyên nhận được sự phản hồi tích cực từ các bài kiểm tra thực hành, họ sẽ có nhiều cơ hội thành công trong chuyên môn hơn so với những SV ít có động lực, không có hứng thú với môn học kỹ thuật, mặc dù những SV này có khả năng về kỹ thuật (Schunk và Hanson, 1985). Một ví dụ thứ hai cho thấy: “Những SV ngoại ngữ khi mà họ đọc bài text một cách chủ động, họ sẽ đạt được kết quả như mục tiêu đề ra; còn những SV đọc thụ động sẽ không sẵn sàng tham gia vào các bài đọc và do đó, họ sẽ không đạt được kết quả học tập như mong đợi” (Schunk và Pajare, 2005). Những SV khi sử dụng thiết bị công nghệ cho mục đích học tập tích cực. Họ sẽ nhận được những kết quả học tập tốt hơn nhiều so với những SV sử dụng cùng một thiết bị công nghệ như thế cho việc giao tiếp (nghe, nói) và nghe nhạc... và họ sẽ bị phân tâm khỏi việc tham gia vào việc học tập trong cùng một không gian học.

**2.6. Ảnh hưởng của môi trường đến động lực học tập của sinh viên**

Một không gian học tập năng động và sôi động, nơi mà các SV được khuyến khích sử dụng thiết bị công nghệ, họ hợp tác để xác định một vấn đề trong thế giới thực, nghiên cứu khám phá những tri thức cơ bản, tìm kiếm các giải pháp khả thi, kết nối với các chuyên gia và kích thích tư duy bậc cao (động não) nhằm giải quyết các vấn đề đặt ra trong học tập. Việc sử dụng những phần thưởng (khen thưởng) sẽ thúc đẩy động lực học tập của SV, nhưng nếu khen thưởng “không đúng” thì SV có thể sẽ không muốn tham gia vào nhiệm vụ học tập và sẽ không đạt được mục tiêu học tập đề ra. Môi trường có ảnh hưởng lớn đến động lực học tập; tâm lý, tính cách cũng ảnh hưởng đến mục tiêu và kết quả học tập của SV (xem Hình 2 - Freyer và Elliot, 2008). Trường hợp SV được phép tự chủ trong việc lựa chọn trò chơi lúc giải lao, như các hoạt động “vui vẻ”, nhưng sẽ không phát triển được chiều sâu của sự nhận thức, không chứng minh được năng lực thực có của SV (Schunk và Zimmerman, 2008).

Elliot và Harackiewicz (1996) đã mô tả rằng, những SV xác lập mục tiêu phù hợp với năng lực sẽ cố gắng hơn so với những SV khác khi đề ra mục tiêu không phù hợp, trong khi, một số SV có biểu hiện “tránh né”



(Nguồn: Ref. Freyer, J., & Elliot, A., (2008) - Ổn định và thay đổi mục tiêu thành tích)

Hình 2: Ảnh hưởng của môi trường đến động lực học tập của sinh viên

sẽ tự đặt “mục tiêu nhằm tránh thất bại” và họ lập luận rằng, “do không đủ năng lực nhìn nhận” vấn đề. Những SV này bị gắn mác “tự ki không qua chân đoán hoặc bị khuyết tật trong học tập...”, dẫn đến có nguy cơ cao về “sự suy giảm điểm số” trong học tập. Vlachou và Drigas (2017) cho rằng, những SV mắc chứng tự kỉ có thể bị “đóng cửa trong thế giới của riêng họ”, một thế giới mà trong đó các kỹ năng xã hội bình thường hầu như không có, họ chống lại sự hợp tác và giao tiếp bên ngoài. Werry và Dautenhahn (1999) cho rằng, những SV tự kỉ sẽ không cố gắng thu hút sự chú ý từ phía ngoài, trừ khi đó là để đáp ứng nhu cầu của họ. Do đó, trong GD cần phải có một chương trình GD đặc biệt dành cho họ. Khi thiết kế chương trình GD, việc kích lệ SV sử dụng các thiết bị công nghệ cho việc học tập tích cực là cần thiết (cũng nhằm giảm “tính tự kỉ” trong SV), nhưng cũng phải lưu ý đến “mặt trái của thiết bị công nghệ”, có như vậy mới có thể đạt được “mục tiêu GD” đề ra.

**3. Kết luận**

Tự điều chỉnh động lực học tập của SV đóng một vai trò quan trọng trong việc định hình cách thức mà một SV có thể cảm nhận được không gian học tập. Cho phép SV sử dụng các thiết bị công nghệ để lấy nguồn tài nguyên học tập và xác định các mục tiêu học tập phù hợp cũng như tạo ra động lực trong học tập, để từ đó có thể liên tục cải tiến thành tích - kết quả học tập. Thiết kế chương trình GD cho bất cứ một lĩnh vực nào cũng cần phải có nội dung chủ đạo là “không gian học thực

tế ảo” (mô phỏng). Gắn kết giữa việc thiết kế chương trình GD với sự nhận thức về tự điều chỉnh động lực trong học tập của SV sẽ làm cho họ tích cực tham gia

vào quá trình học tập và thúc đẩy các kỹ năng tư duy bậc cao, đây là điều cần thiết cho sự thành công trong hiện tại và trong tương lai của lĩnh vực GD - đào tạo.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Bandurra, A., (1997), *Self-efficacy: The exercise of control*. New York: Freeman. In Schunk, D., and Zimmerman, B. (2008) - *Motivation ad self-regulated learning - Theory, research and applications*. Taylor and Francis Group LLC.
- [2] Biggs, J.B., (1979), *Individual differences in study processes and the quality of learning outcomes*, Higher Education, 8, pp. 381-394.
- [3] Biggs, J.B., (1987), *Student Approaches to Learning and Studying* (Hawthorn, Victoria, Australian Council for Educational Research).
- [4] Biggs, J.B., (2003), *Teaching for quality learning at university (second edition)*, Buckingham: Open University Press/Society for Research into Higher Education.
- [5] Biggs, J., (1993), *What do inventories of student' learning processes really measure? A theoretical review and clarification*, British Journal of Educational Psychology.
- [6] Boekaerts, M., Pintrich, P., and Zeider, M., (2000), *Handbook of self-regulation*, San Diego, CA Academic Press.
- [7] Mupfiga, M., Mupfiga, P., and Zhou, T.G., (2017), *Enhancing teaching and learning through the use of mobile technologies in Zimbabwean University*, Journal of Systems Integration.
- [8] Palmer, S., and Hall, W., (2011), *An evaluation of a Project-based Learning Initiative in Engineering Education*, European Journal of Engineering Education 36 (4).
- [9] Richardson, J.T.E., (2011), *Approaches to studying, conceptions of learning and learning styles in higher education*. Learning and Individual Differences, 21.
- [10] Vlachou, J., and Drigas, A., (2017), *Mobile technology for students and adults with autistic spectrum disorders (ASD)*, <https://doi.org/10.3991/ijim.v11i1.5922>.

## SELF-ADJUSTMENT OF STUDENTS IN LEARNING MOTIVATION

Nguyen Duc Ca<sup>1</sup>, Nguyen Khang<sup>2</sup>, Hoang Thi Minh Anh<sup>3</sup>,  
Pham Ngoc Duong<sup>4</sup>, Nguyen Hoang Giang<sup>5</sup>

<sup>1</sup> Email: cand@vnies.edu.vn

<sup>2</sup> Email: khangn@vnies.edu.vn

<sup>3</sup> Email: anhhm@vnies.edu.vn

<sup>4</sup> Email: duongpn@vnies.edu.vn

<sup>5</sup> Email: giangnh@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences  
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

**ABSTRACT:** *Learning motivation has a positive effect on students' participation in the learning space, and educators can apply this approach in curriculum design to improve the quality and to distribute the courses. The internal, external motivations and related values will influence the goals that students desire to achieve after the course. This article will examine the self-regulation for learning motivation of students who can actively search for reference resources according to the course program to improve their learning outcomes. It makes sense that students are given the opportunity to use technology devices, or encouraged to use their own initiatives to self-adjust their motivations in learning and find information to support their learning process.*

**KEYWORDS:** Education, motivation, learning, learners, self-adjustment.